

BẢN SAO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN
CHO MỤC ĐÍCH: KINH DOANH-DỊCH VỤ KHÁCH SẠN;

Giữa

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
ĐẠI DIỆN LÀ: ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ BẮC GIANG
(Bên bán điện)

và

CÔNG TY CP DU LỊCH BẮC GIANG
(Bên mua điện)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 12 -10- 2020

SỐ CHỨNG THỰC 0 6 1 5 7. QUYỀN SỐ 0 1SCT/BS



Mã Tỉnh (TP)	2	4	Mã huyện/quận	2	1	Mã loại HĐ	2
--------------	---	---	---------------	---	---	------------	---

Số Hợp đồng	2	0	/	0	0	1	6	0	5
-------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---

CÔNG CHỨNG VIÊN

Mã khách hàng: PA05050089047

Trương Thị Nga

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN NGOÀI MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
CHO MỤC ĐÍCH: KINH DOANH-DỊCH VỤ KHÁCH SẠN.

Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ thỏa thuận đầu nối số 522/TT-ĐTP ngày 02/03/2020 giữa Điện lực thành phố Bắc Giang và Công ty CP du lịch Bắc Giang.

Căn cứ nhu cầu mua điện của Bên mua điện và khả năng cung cấp điện của Bên bán điện, Hôm nay, ngày tháng 08 năm 2020, các bên gồm:

1. Bên bán điện (Bên A): Tổng Công ty Điện lực miền Bắc.

- Địa chỉ: 20 Trần Nguyên Hãn, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Đại diện là ông: **Đỗ Văn Tám** - Chức danh: Giám đốc Điện lực thành phố Bắc Giang, có trụ sở làm việc tại: Số 119, đường Nguyễn Thị Lưu, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Văn bản ủy quyền số 3372/UQ-EVNNPC do bà Đỗ Nguyệt Ánh - Chức danh: Tổng Giám đốc-Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc ký ngày 08 tháng 08 năm 2019.

-Số điện thoại chăm sóc khách hàng: 19006769

-Email: dltpbg_vt@bacgiang.gov.vn

-Website <http://pcbacgiang.npc.com.vn>.

- Mã số thuế: 0100100417-007;

2. Bên mua điện (Bên B): Công ty CP du lịch Bắc Giang..

- Địa chỉ giao dịch: Số 08, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

- Đại diện là ông: **Lê Anh Đức**. Chức danh: Tổng Giám đốc.

- Số chứng minh thư: 012040868 do công an thành phố Hà Nội cấp ngày ngày 06 tháng 12 năm 2011.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400110265 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu, ngày 26 tháng 04 năm 2005. đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 27 tháng 03 năm 2019.

- Điện thoại: 0975558575.

- Mã số thuế: 2400110265.

- Tài khoản số: 19101010245978 tại Ngân hàng: MSB-Chi nhánh Bắc Giang .

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán điện (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với những nội dung sau:



Điều 1. Nội dung cụ thể

1. Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng này và áp dụng CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ, CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG kèm theo Hợp đồng này. Các Phụ lục kèm theo là bộ phận không tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của Hợp đồng này.

2. Mua bán điện năng: Địa điểm sử dụng điện, mục đích sử dụng điện, điểm đầu nối cấp điện, điểm đo đếm điện, ngày ghi chỉ số công tơ, giá điện, chế độ sử dụng điện và các nội dung khác được ghi chi tiết tại phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng này.

3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không áp dụng.

4. Hình thức và thời hạn thanh toán tiền điện, tiền mua công suất phản kháng, tiền bồi thường, tiền phạt vi phạm hợp đồng:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Đơn vị thụ hưởng: Điện lực thành phố Bắc Giang;

Với một trong các tài khoản sau:

- **Tài khoản chuyên thu tiền điện:**

+ Tài khoản số 117000023350 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang, hoặc

+ Tài khoản số 0731000618986 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang, hoặc

+ Tài khoản số 2500201012359 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang, hoặc

+ Tài khoản số 2501201004953 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Bắc Giang II, hoặc

+ Tài khoản số 43110000999996 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bắc Giang, hoặc

+ Tài khoản 19132731888889 tại Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam: Chi nhánh BNG – TCB Bắc Giang.

+ Tài khoản 7611100829007 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bắc Giang.

- **Tài khoản chuyên thu tiền sản xuất kinh doanh khác:**

+ Tài khoản số 114000157217 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang.

c) Thời hạn thanh toán: Không quá 07 ngày, kể từ ngày Bên A thông báo lần đầu.

5. Hình thức Bên A thông báo cho Bên B:

a) Thông báo thanh toán tiền điện, tiền công suất phản kháng, bằng một trong các hình thức: Văn bản, hoặc Tin nhắn SMS, hoặc truy cập vào website <http://cskh.npc.com.vn> hoặc <http://pcbacgiang.npc.com.vn>.

b) Tạm ngừng, giảm cung cấp điện: Điện thoại, hoặc văn bản, hoặc tin nhắn SMS.

c) Thông báo, trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện Hợp đồng: Số điện thoại nhận tin nhắn 0975558575, hoặc qua tin nhắn Zalo, hoặc Email, hoặc bằng văn bản.

Điều 2. Những thỏa thuận khác

1. Bên B không được tự ý cấp điện hoặc bán điện cho các tổ chức, cá nhân sử dụng điện khác qua công trình điện của Bên B mà không được sự đồng ý của Bên A; Không được tự ý đóng, cắt, sửa chữa, di chuyển các thiết bị điện và công trình của Bên A.

2. Trường hợp kế hoạch sản xuất của Bên B có biến động dẫn đến việc sử dụng điện tăng hoặc giảm vượt quá 10% so với công suất và sản lượng đăng ký trong hợp đồng, Bên B thông báo bằng văn bản cho Bên A biết trước mười (10) ngày để cùng điều chỉnh công suất và sản lượng theo biểu đồ phụ tải của Bên B.

CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ

(Kèm theo Hợp đồng mua bán điện số: 20/001605)

1. Địa điểm sử dụng điện: Công ty CP du lịch Bắc Giang-Số 08, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt nam.

2. Mục đích sử dụng điện: Kinh doanh-Dịch vụ khách sạn.

3. Điểm đầu nối cấp điện và quy mô công trình:

- Điểm đầu: Cột 18, nhánh Mỹ Sợi, đường dây 477E7.1 trạm 110kV Đồi Cốc.

- Điểm cuối: Trạm biến áp 1250kVA-22/0.4kV Cty CP Du lịch Bắc Giang cấp điện cho Công ty CP du lịch Bắc Giang.

4. Công suất sử dụng cực đại: 675 kW.

5. Mua công suất phản kháng (CSPK): Bên B có thuộc đối tượng mua công suất phản kháng.

(Trường hợp bên B mua CSPK chi tiết thực hiện theo quy định tại Phụ lục của Hợp đồng này).

6. Thời gian bắt đầu cấp điện: Kể từ khi đóng điện vào công trình (cụ thể tại Biên bản treo/tháo hệ đo đếm điện khi lắp đặt/đóng điện); Cấp điện áp: 0,38kV.

7. Thiết bị đo đếm điện:

- Số điểm đo: 01 điểm đo.

Điểm đo	Vị trí đặt đo đếm	Sở hữu
001	Lắp tại tủ 0.4kv Trạm biến áp 1250kVA-22/0.4kV Cty CP Du lịch Bắc Giang.	Bên A

- Thiết bị đo đếm điện được lắp đặt thuộc khu vực Bên B quản lý. Trong quá trình sử dụng điện, tùy theo tình hình sử dụng thực tế của Bên B, Bên A sẽ lắp đặt hệ đo đếm cho phù hợp với phụ tải sử dụng. Khi đó không nhất thiết phải ký phụ lục bổ sung hợp đồng mua bán điện.

- Hệ đo đếm điện gồm:

+ Công tơ đa chức năng: Là tài sản của Bên A;

+ Biến dòng điện (TI): Là tài sản của Bên A;

+ Hệ số nhân tính sản lượng điện sang kWh: Xác định khi lắp đặt hệ đo đếm;

(được thể hiện chi tiết tại Biên bản treo/tháo hệ đo đếm điện khi lắp đặt/đóng điện).

- Vị trí xác định chất lượng điện: Được xác định tại điểm đo đếm của máy biến áp cấp điện cho Bên B.

8. Ghi chỉ số công tơ: 03 kỳ/tháng.

- Hình thức ghi chỉ số công tơ: Ghi trực tiếp tại hiện trường. Kỳ 01 ghi vào ngày 01 hàng tháng, kỳ 02 ghi vào ngày 10 hàng tháng, kỳ 03 ghi vào ngày 20 hàng tháng. Nếu Bên A thay đổi thời gian ghi chỉ số thì sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B hai bên không nhất thiết ký kết phụ lục điều chỉnh Hợp đồng.

- Sau này khi Bên A lắp đặt hệ thống đo xa, thì sẽ thực hiện ghi chỉ số công tơ điện trực tuyến trên thiết bị và phần mềm đo xa 02 kỳ/tháng: kỳ 01 ghi vào 00 giờ 00 phút ngày 01 hàng tháng, kỳ 02 ghi vào 20 hàng tháng. Tài khoản đăng nhập, mật khẩu và thời gian bắt đầu thực hiện, Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B.

- Việc kiểm tra tình hình vận hành hệ thống đo đếm tại hiện trường để đối chiếu, phòng ngừa sai sót được thực hiện ít nhất 12 tháng/lần; Trường hợp hệ thống đo xa bị sự cố, thì hai bên sẽ thực hiện ghi chỉ số công tơ tại hiện trường.

- Việc thanh toán tiền điện được thực hiện tương ứng với từng kỳ ghi chỉ số công tơ điện.

9. Giá bán điện tại hệ thống đo đếm đặt tại cấp điện áp 0,38 kV như sau:

Điểm đo	Mục đích sử dụng	Tỷ lệ %	Giá bán điện chưa có thuế GTGT (đ/kWh)		
			Theo theo thời gian		
			Giờ bình thường (4h00-9h30; 11h30-17h00; 20h00-22h00)	Giờ cao điểm (09h30 -11h30; 17h00 - 20h00)	Giờ thấp điểm (22h00-4h00)
001	Kinh doanh- Dịch vụ khách sạn	100	2.666	4.587	1.622

Ngày chủ nhật không có giờ cao điểm. Giờ bình thường từ 4h00 - 22h00. Giờ thấp điểm từ 22h00 - 4h00.

Thuế GTGT (VAT): 10%. Nếu Bên B thay đổi thuế suất, thì thông báo bằng văn bản cho Bên A trước kỳ phát hành hóa đơn gần nhất để hai bên ký kết phụ lục điều chỉnh Hợp đồng cho phù hợp.

10. Ranh giới sở hữu tài sản công trình điện:

- Từ điểm đấu nối trở về phía nguồn điện và hệ đo đếm điện năng thuộc trách nhiệm đầu tư của bên A.

- Từ ghíp đấu lèo tại điểm đấu nối, cột 18, nhánh Mỹ Sợi, đường dây 477E7.1 trạm 110kV Đồi Cốc trở về phía phụ tải sử dụng điện của bên B thuộc trách nhiệm đầu tư của bên B, trừ hệ đo đếm điện năng thuộc trách nhiệm đầu tư của bên A.

11. Ranh giới quản lý vận hành công trình điện: Theo ranh giới sở hữu tài sản.

12. Hồ sơ kỹ thuật liên quan được kèm theo là Phụ lục của Hợp đồng này, gồm:

- Bảng kê thiết bị sử dụng điện;

- Biểu đồ phụ tải điển hình ngày;

- Kết quả khảo sát và phương án cấp điện;

- Biên bản treo, tháo hệ đếm điện.

13. Danh sách cán bộ nhân viên của Bên B tham gia giao dịch với Bên A trong việc thực hiện Hợp đồng (giao dịch; phối hợp vận hành lưới điện; nhận văn bản, Thông báo ngừng cấp

Ub

điện và Giấy báo tiền điện; xác nhận chỉ số công tơ điện; Giám sát và ký xác nhận Biên bản việc kiểm tra, thay tháo định kỳ hệ đếm điện,...), gồm có:

TT	Họ tên	Chức vụ	Số CMND	Số điện thoại	Email
1	Đỗ Văn Huy	Tổ trưởng tổ QLVH	121426574	0912319225	cpxdcnbg@gmail.com

14. Đơn vị trực thuộc được ủy quyền của Bên A giao dịch với Bên B trong việc thực hiện Hợp đồng (giao dịch; ký văn bản giao dịch, Thông báo ngừng cấp điện, Thông báo tiền điện, Hóa đơn tiền điện; Ghi chỉ số công tơ điện; Kiểm tra sử dụng điện; Kiểm tra, thay tháo hệ đếm điện và ký xác nhận Biên bản; phối hợp vận hành lưới điện,...): Điện lực thành phố Bắc Giang.

15. Hóa đơn tiền điện điện tử, tiền công suất phản kháng: truy cập vào website <http://cskh.npc.com.vn> hoặc <http://pcbacgiang.npc.com.vn>

11.01.2012

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

(Kèm theo Hợp đồng mua bán điện số: 20/001605)

Điều 1. Chất lượng điện năng

Điện áp và tần số phải đảm bảo chất lượng theo quy định tại Khoản 1, Điều 15, Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ.

Điều 2. Đo đếm điện năng

1. Điện năng sử dụng được xác định qua chỉ số công tơ điện và hệ số nhân của thiết bị đo đếm điện. Hệ số nhân được thống nhất trong Biên bản treo, tháo thiết bị đo đếm điện.

2. Khi treo, tháo thiết bị đo đếm điện, Bên A và Bên B phải cùng ký biên bản xác nhận thông số kỹ thuật của thiết bị đo đếm điện và chỉ số công tơ điện. Người ký Biên bản xác nhận của Bên B là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp, hoặc người có tên trong Khoản 13, CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ. Biên bản treo, tháo thiết bị đo đếm là Phụ lục của Hợp đồng này.

3. Bên B có trách nhiệm bảo vệ hệ đo đếm điện đặt trong phạm vi quản lý của mình, trường hợp các thiết bị hệ đo đếm điện bị xâm phạm hoặc mất mát, thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại này; đồng thời báo ngay cho chính cơ quan bảo vệ pháp luật/chính quyền địa phương và Bên A để phối hợp xử lý.

4. Bên B không được tự ý tháo gỡ, di chuyển công tơ điện. Khi có nhu cầu di chuyển công tơ điện sang vị trí khác, phải được sự đồng ý của Bên A và phải chịu chi phí di chuyển.

Điều 3. Ghi chỉ số công tơ

Trường hợp ngày ghi chỉ số công tơ thay đổi so với quy định tại Khoản 8, CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ, thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B theo một trong các hình thức quy định tại Hợp đồng này.

Điều 4. Giá điện

1. Giá điện thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ mục đích sử dụng điện của Bên B đăng ký, Bên A áp dụng mức giá tương ứng với đối tượng theo quy định được ghi tại Khoản 9, CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng.

2. Trong quá trình sử dụng điện, nếu Bên B có thay đổi mục đích sử dụng điện hoặc mức sử dụng điện của từng mục đích làm thay đổi giá bán điện, thì phải thông báo cho Bên A trước 15 ngày để điều chỉnh đối tượng áp dụng giá điện; Biên bản thỏa thuận tỷ lệ mục đích sử dụng điện là Phụ lục Hợp đồng.

3. Khi giá điện thay đổi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt ban hành, thì giá mới được áp dụng và hai bên không phải ký lại Hợp đồng.

Điều 5. Mua công suất phản kháng

Bên B mua điện để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có công suất sử dụng cực đại đăng ký tại Hợp đồng này từ 40 kW trở lên và có hệ số công suất $\cos\varphi < 0,9$ thì phải mua công suất phản kháng theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BCT ngày 28/5/2014 của Bộ Công Thương quy định về mua, bán công suất phản kháng.

Điều 6. Thanh toán

1. Bên B phải thanh toán tiền điện, tiền mua công suất phản kháng, tiền bồi thường và tiền phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) cho Bên A bằng tiền Đồng Việt Nam theo hình thức và trong thời hạn theo thỏa thuận tại Khoản 4, Điều 1 của Hợp đồng. Số lần thanh toán tiền điện, tiền mua công suất phản kháng tương ứng với số lần ghi chỉ số công tơ trong tháng.

2. Bên B có trách nhiệm thanh toán đủ số tiền ghi trong hóa đơn. Quá thời hạn theo thỏa thuận mà chưa thanh toán thì:

Ub

a) Trường hợp Bên B thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận tại Khoản 3, Điều 1 của Hợp đồng: Bên A có quyền khấu trừ tiền đặt cọc hoặc yêu cầu ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Nếu số tiền đặt cọc hoặc số tiền được bảo lãnh chưa thanh toán đủ, Bên B phải thanh toán số tiền còn thiếu và phải trả thêm tiền lãi chậm trả cho Bên A. Tiền lãi được tính bằng số tiền chậm trả nhân với mức lãi suất cho vay cao nhất của một trong các ngân hàng Bên A có tài khoản ghi trong Hợp đồng tại thời điểm thanh toán và nhân với số ngày chậm trả, tính từ ngày phải thanh toán đến ngày Bên B thanh toán.

Sau 15 ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu tiên, nếu Bên B chưa thanh toán đủ, Bên A có quyền ngừng cấp điện. Bên A sẽ thông báo thời điểm ngừng cấp điện trước 24 giờ và không chịu trách nhiệm về thiệt hại do việc ngừng cấp điện gây ra. Việc cấp điện trở lại chỉ được tiến hành sau khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nợ, nộp đủ tiền đặt cọc hoặc nộp Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng và mọi chi phí liên quan đến việc ngừng và cấp điện trở lại.

b) Các trường hợp khác: Khi Bên A đã thông báo 02 lần mà Bên B vẫn không thanh toán, thì sau 15 ngày kể từ ngày thông báo lần đầu tiên, Bên A có quyền ngừng cấp điện. Bên A sẽ thông báo thời điểm ngừng cấp điện trước 24 giờ và không chịu trách nhiệm về thiệt hại do việc ngừng cấp điện gây ra. Việc cấp điện trở lại chỉ tiến hành sau khi Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, tiền lãi chậm trả và các chi phí liên quan đến việc ngừng, cấp điện trở lại cho Bên A. Tiền lãi được tính bằng số tiền chậm trả nhân với mức lãi suất cho vay cao nhất của một trong các ngân hàng mà Bên A có tài khoản ghi trong Hợp đồng tại thời điểm thanh toán và nhân với số ngày chậm trả, tính từ ngày Bên B phải thanh toán đến ngày Bên B thanh toán.

3. Trường hợp Bên B được bồi thường và phạt: Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền bồi thường và tiền phạt (nếu có) trong thời hạn 15 ngày. Quá thời hạn trên mà chưa thanh toán đủ, thì Bên B có quyền chậm trả tiền mua điện các tháng kế tiếp cho đến khi đủ số tiền được bồi thường, tiền phạt và Bên B không phải chịu xử lý do chậm trả tiền điện. Khi Bên A đã thanh toán cho Bên B đủ số tiền phải bồi thường, tiền phạt (nếu có), thì Bên B phải thanh toán ngay cho Bên A số tiền điện đã giữ lại, quá thời hạn theo thỏa thuận tại Điểm b, Khoản 4, Điều 1 của Hợp đồng mà Bên B chưa thanh toán, Bên B phải trả thêm khoản tiền lãi chậm trả cho Bên A và Bên A được ngừng cấp điện với Bên B theo quy định tại Khoản 2 của Điều này.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Quyền của Bên A

a) Được vào khu vực quản lý của Bên B để: thao tác; bảo dưỡng; sửa chữa và thay thế mới trang thiết bị điện của Bên A; kiểm tra; ghi chỉ số công tơ và liên hệ với Bên B;

b) Bên A được ngừng, giảm mức cung cấp điện theo quy định tại Thông tư số 30/2013/TT-BCT ngày 14/11/2013 của Bộ Công Thương quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm cung cấp điện;

c) Được yêu cầu Bên B cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động bán lẻ điện (áp dụng đối với khách hàng là đơn vị bán lẻ điện);

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Bên A

a) Cung cấp điện năng đảm bảo chất lượng điện theo quy định, trừ trường hợp hệ thống điện bị quá tải theo xác nhận của cơ quan điều tiết điện lực;

b) Tiến hành xử lý sự cố để khôi phục cấp điện trong 02 giờ kể từ khi phát hiện hoặc nhận được thông báo của Bên B về sự cố lưới điện do Bên A quản lý; trường hợp không thực hiện được trong thời hạn trên thì phải thông báo cho Bên B về nguyên nhân và dự kiến thời gian cấp điện trở lại;

c) Bồi thường thiệt hại cho Bên B những thiệt hại trực tiếp do lỗi chủ quan của Bên A gây ra, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Quyền của Bên B

a) Được cung cấp đủ công suất, điện năng, bảo đảm chất lượng điện đã được thoả thuận trong hợp đồng;

b) Yêu cầu Bên A kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện;

c) Được bồi thường thiệt hại do Bên A gây ra theo quy định của Hợp đồng này và quy định của pháp luật;

d) Yêu cầu Bên A kiểm tra chất lượng dịch vụ điện; tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán;

e) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động điện lực của Bên A;

f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Sử dụng điện đúng mục đích, đúng công suất, điện năng đã thoả thuận tại Hợp đồng này;

b) Thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn và các khoản thu phát sinh khác theo thoả thuận trong Hợp đồng;

c) Giảm mức tiêu thụ điện hoặc cắt điện kịp thời khi nhận được thông báo của Bên A trong các trường hợp Bên A ngừng, giảm cung cấp điện theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 7 của CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG;

d) Thông báo cho Bên A biết chậm nhất 05 ngày trước thời điểm ngừng sử dụng điện khi có nhu cầu tạm ngừng sử dụng điện; chậm nhất 15 ngày trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng khi có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng;

e) Thông báo kịp thời cho Bên A khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản của các bên;

f) Tạo điều kiện để Bên A kiểm tra việc thực hiện Hợp đồng, ghi chỉ số công tơ và các hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật;

g) Bảo đảm các trang thiết bị sử dụng điện đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện; thực hiện chế độ sử dụng điện theo yêu cầu của đơn vị điều độ hệ thống điện;

h) Bồi thường khi gây thiệt hại cho Bên A theo quy định của pháp luật;

i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm

1. Bên A cam kết bồi thường thiệt hại và chịu phạt vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng đối với các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 31 Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ Công Thương quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện. Mức phạt bằng 08% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm hoặc giá trị hoàn trả, được xác định theo hành vi vi phạm.

2. Bên B cam kết bồi thường thiệt hại và chịu phạt vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng đối với các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 28, Điều 30, Điều 32 Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ Công Thương quy định về Kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện. Mức phạt bằng 08% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm hoặc giá trị bồi thường, được xác định theo hành vi vi phạm.

Điều 10. Bất khả kháng và miễn trách nhiệm

1. Bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm khi xảy ra các trường hợp quy định tại Điều 294 Luật Thương mại; Bên vi phạm hợp đồng có nghĩa vụ thông báo cho bên bị vi phạm và chứng minh các trường hợp miễn trách nhiệm.

2. Bất khả kháng

a) Bất khả kháng là sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát hợp lý của bên bị ảnh hưởng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 156 Bộ Luật dân sự.

b) Thông báo Bất khả kháng: Bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng phải thông báo cho bên kia về sự kiện, tình huống tạo thành Bất khả kháng trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không được muộn hơn một (01) ngày kể từ khi thông tin liên lạc đã sẵn sàng. Thông báo phải bao gồm đầy đủ chi tiết về sự kiện, tình huống tạo thành Bất khả kháng, tác động của Bất khả kháng đối với việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng của bên bị ảnh hưởng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Bên bị ảnh hưởng phải cung cấp các báo cáo thường xuyên cho bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của Bất khả kháng và các thông tin khác mà bên kia yêu cầu một cách hợp lý.

c) Hậu quả của Bất khả kháng: Không bên nào phải chịu trách nhiệm hoặc bị coi là vi phạm hợp đồng hoặc có lỗi do không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng khi xảy ra Bất khả kháng.

d) Nếu một bên do Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng trong vòng 180 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra Bất khả kháng, Các bên sau đó có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng. Bên thực hiện quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn phải gửi văn bản thông báo cho bên kia trước ít nhất 60 ngày thời điểm muốn chấm dứt Hợp đồng.

e) Các nghĩa vụ phát sinh trước khi xảy ra Bất khả kháng đều không được miễn trừ.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, các bên sẽ giải quyết bằng hòa giải, thương lượng để tự giải quyết trên tinh thần hợp tác, không trái quy định của pháp luật. Nếu hai bên không tự giải quyết được thì có thể đề nghị Sở Công Thương tỉnh Bắc Giang hoặc Cục Điều tiết Điện lực tổ chức hòa giải. Trình tự, thủ tục và thời hạn tổ chức hòa giải được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 27/2013/TT-BCT và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trong trường hợp các bên không hòa giải, thương lượng để tự giải quyết được với nhau thì sẽ đưa vụ việc ra Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang hoặc Tòa án nơi thực hiện Hợp đồng mua bán điện để giải quyết theo qui định của pháp luật.

3. Trong thời gian chờ giải quyết, Bên B vẫn phải thanh toán tiền điện và Bên A không được ngừng cấp điện.

Điều 12. Chấm dứt Hợp đồng

1. Trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn

a) Theo thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn của hai bên.

b) Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn trong trường hợp:

- Bên B không sử dụng điện liên tục quá 06 tháng mà không thông báo trước cho Bên

A.

- Bên B không có ý kiến khác sau 15 ngày kể từ ngày Bên A có thông báo đề nghị chấm dứt Hợp đồng.

- Bên B không còn quyền sở hữu, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với địa điểm mua điện nêu tại Hợp đồng này.

- Bên B là tổ chức, hộ kinh doanh cá thể bị thu hồi giấy phép hoạt động, bị chấm dứt hoạt động, bị giải thể hoặc phá sản,... theo quy định pháp luật; Bên mua điện là cá nhân mất quyền công dân hoặc chết không có người thay thế hợp pháp.

Uk

- Bên A phải thông báo bằng văn bản tới Bên B chậm nhất là 15 ngày trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

2. Khi Hợp đồng này còn trong thời hạn hiệu lực mà Bên B có văn bản yêu cầu chấm dứt Hợp đồng thì: Bên A thực hiện ngừng cung cấp điện cho Bên B từ thời điểm theo yêu cầu của Bên B, đồng thời hai bên tiến hành các thủ tục chấm dứt Hợp đồng trong thời hạn 02 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hợp đồng theo yêu cầu của Bên B.

3. Trước 30 ngày khi Hợp đồng hết thời hạn hiệu lực, Bên A thông báo cho Bên B để hai bên tiến hành chấm dứt Hợp đồng. Bên A thực hiện ngay việc ngừng cấp điện kể từ thời điểm hết thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, nếu hai bên không có thoả thuận ký lại hoặc gia hạn Hợp đồng này.

Điều 13. Nguyên tắc áp dụng luật

1. Luật điều chỉnh Hợp đồng này là pháp luật Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng là Tiếng Việt.

2. Các nội dung không quy định trong Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trong Hợp đồng này, mọi dẫn chiếu liên quan đến bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào sẽ bao gồm những văn bản sửa đổi, bổ sung và thay thế văn bản đó./.

Ub

PHỤ LỤC CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG

(Kèm theo Hợp đồng mua bán điện số: 20/001605)

1. Bên B mua điện để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có công suất sử dụng cực đại đăng ký tại Hợp đồng này từ 40 kW trở lên và có hệ số công suất $\cos\varphi < 0,9$ phải mua công suất phản kháng theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BCT ngày 28/5/2014 của Bộ Công Thương quy định về mua, bán công suất phản kháng.

2. Chế độ sử dụng điện của Bên B với các thông số cơ bản sau:

a) Công suất và sản lượng điện sử dụng:

- Công suất sử dụng trung bình ngày (Ptb): 540 kW;
- Công suất sử dụng lớn nhất trong ngày (Pmax): 675 kW;
- Công suất sử dụng nhỏ nhất trong ngày (Pmin): 338 kW;
- Sản lượng điện sử dụng trung bình một tháng (Atb) ≤ 486.000 kWh/tháng;
- Công suất sử dụng lớn nhất trong giờ cao điểm:
 - + Từ 09 giờ 30 đến 11 giờ 30 là: 600kW;
 - + Từ 17 giờ 00 đến 20 giờ 00 là: 400 kW.

Biểu đồ phụ tải điển hình, hoặc các biên bản thoả thuận: Công suất sử dụng giờ cao điểm sáng (từ 09 giờ 30 đến 11 giờ 30) và công suất sử dụng giờ cao điểm tối (17 giờ 00 đến 20 giờ 00), các phương án giảm mức sử dụng điện; chế độ ca vận hành thiết bị điện theo từng thời gian được kèm theo và là Phụ lục của Hợp đồng này.

b) Chế độ sử dụng điện theo thời gian: 24 giờ.

c) Ngày nghỉ trong tuần: Không có ngày nghỉ trong tuần.

